TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 5 -2022.
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dương

2. Ông Nguyễn Thế Tự

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2022/TLST-HN ngày 21 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Tấn T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

Bị đơn: Dương Thị Tuyết N, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Tấn T trình bày: Anh và chị N qua tìm hiểu cưới nhau và sống chung từ năm 2017,hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 08/5/2017. Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến trong nhiều việc. Thường xuyên cãi nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đã sống ly

thân trong năm 2020. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh và chị N đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng tất cả đều không thành. Nay bản thân nguyên đơn nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Dương Thị Tuyết N.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Phúc A, sinh ngày 29/01/2018, hiện con đang sống chung với chị N, anh T đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi con và anh sẽ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Thị Tuyết N trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về thời gian đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn, chị thống nhất ly hôn nếu anh T yêu cầu chia tài sản là căn nhà mà chị đang sinh sống.

Về con chung: quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Phúc A, sinh ngày 29/01/2018, hiện cháu đang sống chung với chị, chị đồng ý tiếp tục nuôi con chung và anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật là 745.000 đồng mỗi tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà, chị yêu cầu thẩm định chia đôi tài sản là căn nhà tại ấp B, xã P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nhưng chị không đồng ý nộp đơn yêu cầu chia tài sản và không nộp chi phí thẩm định tài sản, do chị không có yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy trình thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án, kiểm sát viên đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Tấn T được ly hôn với chị Dương Thị Tuyết N;

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc An, sinh ngày 29/01/2018 cho bị đơn nuôi dưỡng và nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;

Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho nguyên đơn không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn xuất phát từ sự tự nguyện, quá trình sống chung đến nay có đăng ký kết hôn theo luật định nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Tấn T và chị Dương Thị Tuyết N được pháp luật thừa nhận. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T và chị Ngà bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột trong tình cảm vợ chồng. Từ đó, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hòa hợp và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Anh T và chị N đã nhiều lần hàn gắn nhưng không giải quyết được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn cho rằng anh T khởi kiện ly hôn, chị không có khởi kiện ly hôn nên anh T phải yêu cầu chia tài sản là căn nhà, khi đó chị mới thống nhất ly hôn. Nhận thấy, anh T và chị N không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị N đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án có hòa giải cho anh, chị đoàn tụ nhưng không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh T..

[3] Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Phúc A, sinh ngày 29/01/2018, hiện cháu đang sống chung với chị N và chị đồng ý tiếp tục nuôi con chung và anh T cũng thống nhất giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng đến khi cháu Nguyễn Phúc A đủ 18 tuổi. Anh T đồng ý cấp dưỡng số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh T.

Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh T không yêu cầu chia tài sản chung. Chị N cho rằng có tài sản chung là 01 căn nhà, chị yêu cầu thẩm định chia đôi tài sản là căn nhà tại ấp Sậy Niếu B, xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nhưng chị không đồng ý nộp đơn yêu cầu chia tài sản và không nộp chi phí thẩm định tài sản, do chị không có yêu cầu ly hôn với anh T. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã giải thích về quyền yêu cầu của đương sự và nghĩa vụ phải nộp đơn, nộp tạm ứng án phí và chi phí tố tụng khác. Nhưng chị N vẫn giữ nguyên quan điểm không nộp đơn yêu cầu chia tài sản, không nộp tạm ứng án phí và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật, do chị N không có khởi kiện yêu cầu ly hôn. Đồng thời, chị N cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét về yêu cầu chia tài sản chung trong cùng vụ án này. Dành quyền khởi kiện ở vụ án khác cho các đương sự về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, nếu các đương sự có yêu cầu.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình và về án phí cấp dưỡng: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 53; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Tấn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Tấn T được ly hôn với bị đơn Dương Thị Tuyết N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Phúc A, sinh ngày 29/01/2018 cho chị Dương Thị Tuyết N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đến khi cháu Nguyễn Phúc A đủ 18 (Mười tám) tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ

ngày tuyên án. Dành quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Tấn T không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản, nợ chung: Không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Tấn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007941 ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Anh Nguyễn Tấn T không phải nộp thêm.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Tấn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- UBND xã nơi cư trú;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Văn Tuấn Khanh